TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **08**/2025/HNGĐ-PT Ngày: 14-01-2025 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1691/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6645/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1982; Địa chỉ: 40 đường V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1967; Địa chỉ: 23/5/44 đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị Cẩm T:

Bà T và ông B quen nhau từ năm 2006 và đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/8/2008, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 152 quyển số 01.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tài chính nên bà T và ông B sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn Minh T1, sinh ngày 21/7/2009 và Trần Ngọc Thiên P, sinh ngày 21/3/2012. Bà T yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 1691/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khỏn 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/Nq-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về hôn nhân: Bà nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Trần Văn B.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Văn Minh T1 và Trần Ngọc Thiên P. Bà T không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi hai con.

Ông Trần Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Văn Minh T1 và Trần Ngọc Thiên P. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Trần Văn B kháng cáo toàn bô bản án sơ thẩm với yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn B kháng cáo không đồng ý ly hôn, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông không nhận được văn bản tố tụng nào mà tòa án tống đạt đến.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông B, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhận thấy đơn kháng cáo của ông T2 còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông B đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn B không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn B làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 152 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/8/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Văn B là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông B:

Căn cứ vào các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông B cho rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông không nhận được văn bản tố tụng nào là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tòa cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt cho ông theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 tại địa chỉ 23/55/4 đường L, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông trình bày là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông B thực sự đã xảy ra mâu thuẫn bất đồng không thể dung hòa được, bà T khai là đã sống ly thân từ hơn 02 năm nay. Tại phiên tòa, ông B cũng thừa nhận là ông và bà T không còn sống

chung, có mâu thuẫn nhưng mà mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng chưa đến mức phải ly hôn. Ông B cho rằng còn thương yêu vợ con, mong muốn được đoàn tụ nhưng ông cũng không có giải pháp nào để hai bên hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, bất đồng.

Ông B kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương yêu vợ con nhưng bà T không đồng ý kháng cáo của ông B, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm nên không có cở sở xem xét kháng cáo của ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết cho bà T được ly hôn với ông B là đúng quy định pháp luật, phù hợp với trình bày, khai nhận của đương sự về tình trạng quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt là có căn cứ nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1691/2024/HNGĐ-ST ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T.

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Trần Văn B.

2.2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Văn Minh T1 và Trần Ngọc Thiên P. Bà T không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi hai con.

Ông Trần Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Văn Minh T1 và Trần Ngọc Thiên P. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019000 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà T đã nộp tiền án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Văn B phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029186 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận B, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận B, TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (Linh/16b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Mỹ Hạnh **Nguyễn Hoàng Anh**

Hoàng Thị Bích Duyên